

# Thành An Thổ - tỉnh Phú Yên qua khai quật khảo cổ và vấn đề phát huy giá trị di tích, phát triển tiềm năng du lịch địa phương và vùng

• **Phí Ngọc Tuyền**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

## TÓM TẮT:

Thành An Thổ (xã An Dân – huyện Tuy An – tỉnh Phú Yên) được xây dựng vào thời Minh Mệnh và là thủ phủ của tỉnh Phú Yên thời gian khá dài. Trong Cách mạng tháng 8/1945, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, thành cổ đã trở thành nơi đổ sức quyết liệt giữa lực lượng kháng chiến và kẻ thù dân tộc. Đây cũng chính là nơi sinh của đồng chí Trần Phú – Tổng bí thư của Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 2008, thành cổ An Thổ đã được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Yên và trường ĐH KHXH&NV – ĐHQG TP.HCM tiến hành khai quật khảo cổ học nhằm xác định các giá trị khoa học của di tích. Qua khai quật, toàn bộ nền móng cũ cũng như vị trí của một số công trình kiến trúc như khu vực tòa công đường, sân trước, giếng nước cổ, vị trí của các cổng thành: tiền, hậu, tả, hữu... đã xuất lộ. Nhiều loại hình di vật với nhiều chất liệu khác nhau như đá, đồng, sắt, đất nung, gốm, sứ, tiền cổ thời các triều vua: Minh Mạng, Thiệu

Trị, Tự Đức và một số viên đạn bằng đá, gang dùng cho việc phòng thủ của thành.

Ngày nay, với ưu thế về vị trí địa lý, địa hình, cảnh quan, đặc biệt quy mô kiến trúc và những di vật của thành An Thổ qua khai quật khảo cổ và nhiều di tích lịch sử văn hóa, thắng cảnh xung quanh, chúng ta hoàn toàn có thể tự tin đầu tư phát triển tour du lịch mới hấp dẫn nhằm góp phần phát triển kinh tế của tỉnh và vùng

Trong bài, tác giả đề cập một số nội dung sau:

1. Giới thiệu sơ bộ về cuộc khai quật và kết quả thu được.
2. Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di tích thành cổ An Thổ
3. Đề xuất việc hình thành tour du lịch: Nội tỉnh: Tuy hòa - Ghềnh Đá Đĩa – Làng nghề gốm Quảng Đức – Thành An Thổ - Chùa Đá Trắng. Vùng: kết hợp tour du lịch với Nha Trang – Phú Yên – Bình Định.

**Từ khóa:** di tích khảo cổ, thành An Thổ, Phú Yên, du lịch

## 1. Đôi nét về khai quật di tích và di vật

### 1.1. Vị trí địa lý và cảnh quan môi trường khu di tích

Di tích thành An Thổ nằm trên địa bàn thôn An Thổ, xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Từ thành phố Tuy Hòa theo Quốc lộ 1A hướng về phía bắc 33km đến vị trí đầu phía bắc cầu Ngân Sơn (Thị

trấn Chí Thạnh), rồi rẽ phải theo đường liên thôn đi tiếp về phía đông 3km sẽ đến địa điểm di tích.

Về tên gọi, thành An Thổ từng giữ vai trò là trung tâm lý sở của chính quyền phong kiến tỉnh Phú Yên nên được ghi trong sử sách triều Nguyễn với các tên gọi khác nhau: Tỉnh thành Phú Yên, Thành đạo Phú Yên, Trấn lý Phú Yên. Về sau,

thành này trở thành phủ lỵ của phủ Tuy An nên hiện nay người địa phương thường gọi là Phủ Cũ.

Căn cứ ảnh chụp từ vệ tinh (khai thác ở Google Earth), những dấu tích còn lại cho thấy lớp ngoài cùng là hào, tiếp vào bên trong là thành, khu vực trung tâm (thành trong) là nơi xây dựng toà Công đường. Vị trí công của khu trung tâm thuộc toạ độ 13°20'44,08" vĩ bắc; 109°13'04,08" kinh đông. Khu vực thành có độ cao so với mặt nước biển từ 3,2 - 4,2m.

Qua khảo sát thực địa, thành An Thổ có vị trí và địa thế khá đặc biệt. Thành nằm trong khu vực đồng bằng tương đối bằng phẳng, xung quanh bao bọc bởi núi, sông và cửa biển. Những yếu tố tự nhiên đã tạo cho nơi đây có diện mạo là một vùng thắng địa, điều kiện quyết định đối với sự ra đời và tồn tại của thành An Thổ. Sông Cái, con sông lớn thứ hai ở Phú Yên, bắt nguồn từ phía tây tỉnh Bình Định chảy vào địa phận Phú Yên qua huyện Đồng Xuân và Tuy An, đến núi Ngân Sơn (A-Mang) sông chia thành hai nhánh, một nhánh về hướng đông nam chảy ra đầm Ô Loan, nhánh còn lại (gọi là sông Phú Ngân) rẽ về hướng đông bắc qua địa phận các xã An Thạch, An Ninh Tây (hữu ngạn) và An Dân (tả ngạn), sau đó đổ ra cửa biển Tiên Châu (vịnh Xuân Đài). Một nhánh sông khác thường gọi là sông Con hay sông Vét được tách ra từ Sông Cái tại khu vực Mỹ Long (xã An Dân) cũng chảy theo hướng đông bắc và nhập vào sông Phú Ngân tại cửa Tiên Châu. Thành An Thổ nằm giữa vòng bao bọc của hai nhánh sông, sông Phú Ngân ở phía nam và sông Vét ở phía bắc. Ngoài vai trò hỗ trợ phòng thủ cho thành An Thổ, các nhánh sông còn có giá trị lớn về giao thông, thủy lợi và hoạt động sản xuất nông nghiệp. Cách khu vực thành An Thổ khoảng 4km về phía đông là cửa biển Tiên Châu. Hai tuyến đường thủy quan trọng là sông Cái và sông Vét giữ vai trò cầu nối từ thành ra cửa biển. Cửa biển Tiên Châu thông ra vịnh Xuân Đài là một cửa biển lớn, dưới thời Nguyễn, chính quyền phong kiến đã đặt trấn thủ để quản lý những hoạt động ra vào cửa biển quan trọng này.

## 1.2. Thực trạng di tích trước khai quật

### \* Khu vực thành ngoài:

Phần lớn diện tích của hệ thống hào bao quanh thành bị lấp và làm biến dạng, trở thành đất trồng lúa và rau màu. Một phần hào ở mặt phía nam đã bị san lấp làm nhà ở. Vòng thành ngoài vốn được đắp bằng đất đã bị san gạt gần hết do việc lấy đất làm gạch, đồ nền nhà, chỉ còn một đoạn ngắn ở gần góc tây nam. Tương truyền, các cổng thành trước kia được xây dựng rất kiên cố bằng những vật liệu đá, gạch, đá ong... cũng đã bị san bằng trong kháng chiến chống Pháp (khoảng cuối 1946 đầu 1947) để thực hiện chủ trương "tiêu thổ kháng chiến. Hiện tại, vị trí cổng Hữu (mặt nam) và cổng Tả (mặt bắc) nằm trên đường liên thôn An Thổ - Bình Chính; cổng Tiền (mặt đông) nằm trên đường liên thôn An Thổ - Long Uyên, cổng Hậu (mặt tây) chỉ có một lối mòn nhỏ để qua lại.

Khu vực thành ngoài hiện được chia thành 98 thửa đất cấp cho nhân dân sử dụng làm đất ở và trồng hoa màu vào năm 1995. Hiện nay, số hộ được tách ra và nhà cửa được xây dựng thêm nhiều.

### \* Khu vực trung tâm:

Phần lớn diện tích của các hố khai quật được tiến hành trong khu vực này. Cùng chung thực trạng như khu vực thành ngoài, ở đây hầu hết những gì thuộc về di tích gốc cũng đã bị huỷ hoại bởi nhiều nguyên nhân, còn lại rất ít những dấu tích nền móng kiến trúc xuất lộ trên bề mặt.

Cùng thời gian với thành ngoài, khu trung tâm thành An Thổ cũng bị phá bỏ để thực hiện chủ trương "tiêu thổ kháng chiến", đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau năm 1954, chính quyền Sài Gòn xây dựng trụ sở xã An Dân bên trong thành An Thổ, nền cũ của toà Công đường được tận dụng để xây trụ sở nhưng diện tích thu hẹp hơn.

Sau năm 1975, toà nhà trụ sở xã An Dân của chính quyền cũ được sửa chữa lại để làm trụ sở của hợp tác xã nông nghiệp. Từ thời gian này, một số công trình mới được xây dựng để mở rộng trụ sở; các nhà kho và công trình phụ phục vụ cho hoạt

động của hợp tác xã, sân khấu biểu diễn ngoài trời cũng được xây dựng trong khuôn viên của khu trung tâm. Khi nhu cầu xây dựng nhà cửa ngày càng tăng, người dân ở xung quanh thành đã bóc dỡ đá ở vòng thành trung tâm (kể cả phần nổi trên mặt và phần để móng trong lòng đất) để làm vật liệu xây dựng, tường thành và các nền móng kiến trúc ngày càng bị phá hủy.

Công trình còn lại là vết tích nền móng toà Công đường bị trụ sở hợp tác xã xây đè lên, không xác định được vị trí các khu công sở, nhà làm việc của quan lại bên trong thành. Phía tây toà công đường có một lõm thấp do bị khai thác cát cách đây vài thập niên, diện tích 53m x 19m, sâu 2,1m kéo dài theo hướng Bắc - Nam, song song với toà công đường. Vị trí này trước đó có nền móng các công trình kiến trúc, song việc khai thác cát ở đây cũng xoá sạch vết tích. Hiện có 6 hộ gia đình đã làm nhà ở bên trong khu trung tâm, trường Tiểu học An Dân 2 cũng xây cất trên một phần diện tích của khu vực này. Phía mặt tiền, chéch về hướng đông bắc di tích toà công đường là ngôi nhà Niệm Phật đường An Thổ. Nguyên trước, đây là miếu thờ Thiên Y A Na, được thành lập và tồn tại cùng thời với thành An Thổ.

Nhìn chung, toàn bộ khu di tích trong tình trạng không xác định được ranh giới vòng thành trong, vị trí các tòa nhà dùng là nơi làm việc của quan lại; đất đá bị đào xới, khai thác gần hết; các cổng tiền, hậu, tả, hữu cũng không rõ vị trí, và quy mô, kiến trúc...

### 1.3. Khai quật di tích

Cuộc khai quật khảo cổ học tại di tích thành An Thổ được thực hiện theo Giấy phép số: 3450/QĐ-BVHTTDL, ngày 14 tháng 08 năm 2008 của Bộ Văn hóa – Thể thao & Du lịch. Nội dung: Cho phép sở VHNT&DL tỉnh Phú Yên phối hợp với trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia – TP.HCM thăm dò, khai quật di tích thành Hồ (xã Hòa Định Đông, huyện Phú Hòa) và di tích thành An Thổ (xã An Dân, huyện Tuy An) tỉnh Phú Yên. Thời gian: từ 25/08 – 25/10/2008. Phụ trách: TS. Đặng Văn Thắng – Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc

gia TP.HCM. Hiện vật thu thập được giao cho sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch tỉnh Phú Yên.

Do thực trạng di tích đã bị xáo trộn và phá hủy; căn cứ mục đích của cuộc khai quật là tìm dấu tích, xác định quy mô, kiến trúc thành... trong quá trình chọn lựa địa điểm phù hợp, chúng tôi đã mở 08 hố (kí hiệu 08.AT.H1 đến 08.AT.H8) với tổng diện tích là 581,7m<sup>2</sup> và 39 hố thám sát (kí hiệu HTS.01 đến HTS.39) với tổng diện tích là 325,06m<sup>2</sup>. Tổng cộng diện tích cả hố chính và hố thám sát 906,76m<sup>2</sup>.

Do điều kiện của phạm vi của một bài viết hội thảo, chúng tôi không có điều kiện trình bày tường tận các hố khai quật và các hố đào thám sát một cách chi tiết, đầy đủ như một báo cáo chính thức mà chỉ giới thiệu những nét cơ bản như sau:

**Hố khai quật thứ nhất (08.AT.H1):** Hố được mở tại vị trí sân của thành trong, cách cổng thành 5m, mở theo hướng Đông – Tây (lệch bắc 20<sup>0</sup>), là đường đi, xuyên thẳng từ cổng vào phía trước tòa nhà công đường và đào tới sát chân bậc thềm tòa nhà này. Diện tích 100m<sup>2</sup> (5m X 20m).

Trong quá trình khai quật, hố 01 được mở rộng về hai phía: phía nam 43,6m<sup>2</sup>, phía bắc 26,2m<sup>2</sup>. Kết quả, qua hố đào thứ nhất, chúng tôi đã tìm được chân móng của cột cờ hình lục giác, lối đi lên các bậc của cột cờ. Ngoài ra, con đường nhỏ xung quanh cột cờ cũng xuất lộ. Một số hiện vật chất liệu đá, gạch, ngói, gốm sứ, đồ sắt... được thu thập.

**Hố khai quật thứ hai (08.AT.H2):** Hố H2 mở theo hướng Bắc-Nam (bắc lệch đông 27<sup>0</sup>). Đầu phía nam của hố này tiếp giáp H1 ở vị trí giữa cạnh bắc, đầu còn lại tiếp giáp với bức tường bằng đá, nơi giáp gianh với Niệm Phật đường thôn An Thổ. Diện tích 75m<sup>2</sup> (3m x 25m).

Sau quá trình đào hố H2 đã phát hiện một phần đường đi quanh cột cờ (phía bắc); bên cạnh xác định được cấu trúc, kích thước, chất kết dính xây tường ngăn bằng đá giữa khu trung tâm và Niệm Phật đường.

**Hố khai quật thứ ba (08.AT.H3):** Hố H3 mở theo hướng Đông – Tây lệch bắc 36<sup>0</sup>, ngay phía sau toà nhà công đường, cách tường sau nhà 2m. Diện

tích ban đầu  $24\text{m}^2$  ( $2\text{m} \times 12\text{m}$ ), mở rộng phía nam  $37,7\text{m}^2$  và hồ mở rộng phía bắc  $62,5\text{m}^2$ .

Kết quả làm lộ rõ bờ móng phía sau toà nhà công đường xưa được xây bằng đá tự nhiên màu đen, xám và gạch, có độ sâu từ  $1,08 - 1,1\text{m}$  còn khá nguyên vẹn với chất kết dính còn tốt. Hiện vật đáng chú ý là một số đỉnh sắt, 07 đồng tiền kim loại, 3 mảnh chân đèn và rất nhiều mảnh gạch, gốm, ngói...

**Hố khai quật thứ tư (08.AT.04):** Hố 4 tiếp tục mở về phía tây theo trục Đông - Tây và cùng hướng với hố H3, cách vách tây của hố thứ ba  $20\text{m}$ . Hố có diện tích  $7,2\text{m}^2$  ( $4\text{m} \times 1,8\text{m}$ ) và mở rộng ( $2,2\text{m} \times 3,5\text{m}$ ). Kết quả xuất lộ một đoạn ngắn giống đường đi rộng  $1,5\text{m}$  được lát bằng đá, mảnh vỡ gạch, ngói bên trong thành, cùng với một số mảnh gốm sứ, mảnh chậu trồng cây cảnh có trang trí hoa văn.

**Hố khai quật thứ năm (08.AT.05):** Hố 05 được mở vòng quanh ba mặt của chân trụ cổng thành trong (trụ cổng phía Bắc). Vị trí này được xác định di tích còn nguyên vẹn, chưa bị xâm phạm. Kết quả sau khai quật đã lộ rõ chân tường thành trong (cửa tiền) gồm hai lớp móng: lớp sâu nhất  $1,2\text{m}$  cách mặt đất hiện hữu là một lớp đá dày  $25-30\text{cm}$ , lên trên là lớp móng cao hơn ( $70\text{cm}$ ) và phía trên là tường thành. Tất cả đều được xây bằng đá, bờ móng dày  $80\text{cm}$ , hợp chất là cát, vôi và mật. Bên cạnh, còn thu được một số mảnh gốm, sứ Trung Quốc cùng vôi ẩm đất nung...

**Hố khai quật thứ sáu (08.AT.06):** Hố mở ngay bên trong trụ sở của hợp tác xã Đông An Dân, khu vực có toà nhà Công đường xưa. Diện tích  $93,8\text{m}^2$  bằng diện tích trong lòng ngôi nhà hiện hữu ( $12,5\text{m} \times 7,5\text{m}$ ).

Kết quả: với các lớp nền móng kiến trúc đã xuất lộ, kết hợp việc điều tra điền dã tại địa phương (tập trung vào các cụ 80 đến hơn 90 tuổi đã từng sinh sống tại đây, có người thân làm việc tại thành An Thổ xưa) có thể kết luận như sau: có ba lớp kiến trúc đã được xây dựng trên khu vực này:

*Lớp thứ nhất* có kiến trúc sâu nhất (ở độ sâu  $0,8\text{m}$ ) được xây bằng đá tự nhiên với vôi, cát là thời gian đầu tiên xây thành An Thổ.

*Lớp thứ hai* ở độ sâu  $0,3\text{m}$ , cao  $0,5\text{m}$  được xây bằng gạch, vôi, cát và mảnh ngói, gạch vỡ. Lớp kiến trúc này giữ nguyên mặt tiền, mặt hậu co lại, móng phía sau trùng với bờ móng của tường ngăn phòng trước và sau của toà công đường cũ. Thời gian vào khoảng năm 1957 – 1958.

*Lớp thứ ba* là lớp trên cùng theo tình trạng hiện hữu dùng làm trụ sở HTX Đông An Dân, thời gian sau năm 1975.

**Hố khai quật thứ bảy (08.AT.07):** Hố mở tại vị trí phía sau, bên phải toà công đường, phần lớn diện tích thuộc đất vườn nhà ông Dương Đình Khoan. Hố 07 chạy dài theo hướng Bắc – Nam, diện tích  $65\text{m}^2$  ( $13\text{m} \times 5\text{m}$ ). Ở đây xuất lộ rất nhiều đá phân bố rải rác khắp hố trải dài từ bắc đến phía nam và vách phía tây, có độ nông, sâu không đều, không có trật tự hàng lối. Đá có nhiều kích cỡ khác nhau:  $60\text{cm} \times 40\text{cm} \times 20\text{cm}$ ;  $50 \times 40 \times 15$ ;  $60 \times 30 \times 20$ ;  $30 \times 20 \times 10$ ... ngoài ra còn có nhiều mảnh ngói, mảnh hợp chất vôi cát, gốm sứ Trung Quốc, vôi bình gốm, chân chậu cảnh, hơn 17.611 mảnh ngói các loại, và một số viên ngói khá nguyên vẹn như ngói âm dương, ngói ống, gạch thẻ...

Kết quả tìm được dấu tích kiến trúc không còn nguyên vẹn, bị xáo trộn thuộc khu nhà làm việc của các quan trong thành.

**Hố khai quật thứ tám (08.AT.08):** Hố H8 mở tại vị trí góc Tây – Nam của vòng thành ngoài. Đây là vị trí duy nhất của thành ngoài còn sót lại không bị con người đào phá, có chiều dài còn khoảng  $15\text{m}$ . Tuy nhiên, độ cao của nó không còn như cũ. Hố mở theo hướng Đông – Tây, tạo lát cắt ngang thành ngoài với mục đích nghiên cứu thành phần nguyên liệu đắp thành. Hố có diện tích  $25\text{m}^2$  ( $12,5 \times 2\text{m}$ ). Sau quá trình đào sâu  $2,8\text{m}$  (nơi đỉnh cao nhất còn lại) tới tầng sinh thổ thấy cấu trúc các tầng như sau:

- Lớp dưới cùng thuộc tầng sinh thổ là loại cát vàng, cao từ  $0,4-0,5\text{m}$ .

- Lớp giữa là loại đất sét hơi trắng pha cát, có độ cao 1,2.
- Lớp trên cùng là loại đất sét màu xám, hơi đen, có pha cát nhưng ít hơn lớp giữa.

Về di vật, H8 không có nhiều. Nhìn chung, vòng thành ngoài hoàn toàn đắp bằng đất, đất đắp thành khá thuần nhất được đào lên từ khu vực cách đó không xa tạo nên hào sâu. Đất được đầm, nện rất kỹ tạo độ bền vững qua nhiều năm.

**Bảng 1.** Các hố khai quật (Diện tích, vị trí các hố chính)

| SỐ TT            | TÊN HỐ | DIỆN TÍCH                 |                                      |                                                        | VỊ TRÍ                                                                                                      |
|------------------|--------|---------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  |        | TỔNG CỘNG                 | DIỆN TÍCH (chính)                    | DIỆN TÍCH (mở rộng)                                    |                                                                                                             |
| 1                | H.I    | 169,8 m <sup>2</sup>      | 100m <sup>2</sup> (20 X 5)           | 43,6 m <sup>2</sup> (nam)<br>26,2 m <sup>2</sup> (bắc) | Lối đi vào tòa nhà công đường                                                                               |
| 2                | H. II  | 75 m <sup>2</sup>         | (25 X 3)                             |                                                        | Cắt H1, hướng về phía nhà Niệm Phật đường                                                                   |
| 3                | H.III  | 123m <sup>2</sup>         | 24 m (12 x 2)                        | 37,5 m <sup>2</sup> (nam)<br>62,5 m <sup>2</sup> (bắc) | Phía sau tòa nhà công đường                                                                                 |
| 4                | H.IV   | 11,6m <sup>2</sup>        | Hình chữ L: (1,8 x 1,8 + (2,2 x 3,5) |                                                        | Phía sau tòa công đường (cách H3 20m) và nằm thẳng theo hướng trục của cổng, kỳ đài, công đường.            |
| 5                | H.V    | 18,5m <sup>2</sup>        | (6 x 3)                              |                                                        | Chân cổng vào sân trước tòa công đường, cách kỳ đài 5m                                                      |
| 6                | H.VI   | 93,8 m <sup>2</sup>       | (12,5 x 7,5)                         |                                                        | Diện tích bên trong tòa công đường                                                                          |
| 7                | H.VII  | 65 m <sup>2</sup>         | (13 x 5)                             |                                                        | Khu vực đất trống có diện tích lớn của gia đình ông Dương Đình Khoang, 43 tuổi ở phía Tây - Nam thành trong |
| 8                | H.VIII | 25m <sup>2</sup>          | (12,5 x 2)                           |                                                        | Góc Tây - Nam thành ngoài, nơi nhô ra để đặt các pháo đài.                                                  |
| <b>Tổng cộng</b> |        | <b>581,7m<sup>2</sup></b> |                                      |                                                        |                                                                                                             |

**Các hố thám sát**

Trong phần trên chúng tôi đã trình bày về tình trạng di tích thành An Thổ và mục đích của cuộc khai quật nên đã đào một số hố thám sát như sau:

*Các hố thám sát tìm dấu tích chu vi thành trong*

*Thành phía Đông (mặt tiền) gồm:* TS.26 (vị trí giữa đường giao thông liên thôn - xác định được góc Đông - Bắc), TS.23, H5, TS.02, TS.03, TS.36 (xác định được góc Đông - Nam).

*Thành phía Bắc (bên tả) gồm:* TS.26 (góc Đông - Bắc), TS.35, TS.20, TS.12, TS.17 (xác định được góc Tây - Bắc).

*Thành phía Nam (bên hữu) gồm:* TS.36 (góc Đông - Nam), TS.24, TS.25, TS.27, TS.19 (xác định được góc Tây - Nam). Các hố TS.24, TS.25, TS.27 thuộc khu vực vườn của ông Dương Đình Khoan. Hố TS.19 thuộc khu vực vườn của ông Bùi Kim Khanh.

Thành phía Tây (mặt hậu) gồm: TS.19 (góc Tây - Nam), TS.18, TS.28, TS.29, TS.30, TS.31, TS.17 (góc Tây - Bắc). Các hố TS.28, TS.29, TS.30, TS.31 thuộc khu vực vườn cây của bà Lê Thị Thu, Hố TS.18 thuộc vườn trồng cây của ông Lê Văn Đông.

Kết quả: qua các hố đào thám sát kể trên, nhóm khai quật đã đo, vẽ được chu vi vòng thành trong của thành An Thổ. Số đo các cạnh như sau:

Cạnh Đông - Tây 104m;

Cạnh Bắc - Nam 80m.

Nhìn chung những đoạn móng tường thành còn lại được xây bằng loại đá màu xám, đen có kích cỡ khác nhau: 60cm x 40cm x 20cm; 50 x 40 x 15; 60 x 30 x 20; 30 x 20 x 10... chất kết dính bằng vôi, cát, mật rất chắc chắn, độ bám, liên kết một số khu vực còn tốt. Móng tường thành chiều rộng dao động từ 1,2-1,4m, độ sâu của móng từ 0,8-1,1m. Ngoài việc làm rõ chu vi thành trong, nhóm khai quật còn thu được nhiều di vật khác như mảnh ngói (chiếm đa số), mảnh gốm sứ Trung Quốc, gốm Quảng Đức với nhiều loại hình như đồ dùng sinh hoạt, trang trí, dụng cụ, viên đạn súng thần công bằng sắt hình tròn...

Các hố đào phía Tây và Nam trong thành gồm: TS.14, TS.11, TS.07, **H.04**, TS.05, TS.09 đã phát lộ một đường đi. Con đường này được cấu tạo bởi một lớp gồm toàn mảnh ngói, gạch, đá nhỏ, vôi vữa (không còn kết dính) sắp xếp không theo trật tự, dưới lớp đất từ 20-50cm, bề mặt của con đường này, chỗ rộng nhất 1,2m, nơi hẹp nhất 0,5m (do bị xáo trộn), dày từ 10cm-30cm.

Các hố đào phía Nam gồm: TS.16, TS.06, **H.07**, 13 và TS.15 đều lộ diện các loại đá nhỏ, mảnh gạch vỡ nhỏ, mảnh ngói và có pha trộn vôi vữa nhưng không còn sự kết dính. Chiều rộng dao động từ 1,2-1,4m.

Các hố đào thành ngoài (cổng “tiền” và cổng “tả”)

Cổng tiền TS.33 ngay trên đường liên thôn, hướng sang thôn Long Uyên, diện tích 19,7m<sup>2</sup>. Xuất lộ một số mảng gạch, đá kết dính với nhau hình

vuông, mỗi chiều 60cm bằng, loại gạch lớn (30x14 x5)cm có độ nung cao, màu nâu đỏ. Thu thập được một số gạch, mảnh ngói, gốm, chất kết dính gạch đá... và hai tảng đá trước đây dùng làm bệ đặt hai khẩu súng thần công. Người dân gọi là hai “ông tướng”, mỗi tháng đều cúng hai lần. Kết quả của hố này không tìm thấy dấu tích của cổng tiền, không xác định

Cổng tả TS.39 ngay trên đường liên thôn, hướng sang thôn Bình Chính, diện tích 31,8m<sup>2</sup>. Kết quả cho thấy hình dáng của ½ kiến trúc móng cổng thành (nửa phía Đông) đã được xác định. Nhìn tổng thể qua ½ móng thành chúng tôi thấy chia thành hai phần kiến trúc khá rõ: phần dưới là đường đi qua cổng và phần trên là kiến trúc hai bên cổng thành. Đường đi qua cổng lát bằng đá màu xám hình khối vuông hoặc hình khối chữ nhật không đồng đều. Đá có kích thước dài từ 35-60cm, rộng từ 30-37cm, dày từ 13-15cm. Di vật thu được gồm một số mảnh gốm sứ.

Các hố thám sát khác: TS.01, TS.04, TS.08, TS.21, TS.10, TS.32, TS.34, TS.21, TS.22, TS. 35, TS.37, TS.38... ở các vị trí giáp gianh với Niệm Phật đường, trường tiểu học An Dân 2...

Hai giếng nước cổ khu vực nội thành kí hiệu HG.1 và HG.2

HG.1: đường kính 0,83m, sâu 3,06m.

HG.2: đường kính 0,7m, sâu 4,6m.

#### 1.4. Di vật

Ngoài kết quả tìm thấy những dấu tích kiến trúc, trong đợt khai quật này, chúng tôi còn tìm thấy một số lượng lớn các di vật đi kèm với nó. Các di vật bao gồm rất nhiều loại hình từ các vật liệu kiến trúc xây thành đến các đồ dùng gia dụng sử dụng trong thành. Có thể phân chia chúng theo loại hình và chất liệu như sau: hiện vật đá, hiện vật gạch ngói, hiện vật gốm gia dụng... Hầu hết các hố đào đều tìm thấy hiện vật và hiện vật tập trung chủ yếu ở các hố chính và 4 HTS ở 4 góc thành.

Hiện vật chất liệu đá:

Đây là hiện vật quan trọng và chiếm số lượng lớn trong thành đó là các loại đá tự nhiên dùng cho

việc gia cố móng thành, có 3 loại đá cơ bản là đá đen, đá trắng và đá tổ ong. Ngoài ra còn có 2 “ông tướng” là bộ đặt súng thần công ở cửa tiền là loại đá màu xám, đen.

*Hiện vật gạch, ngói* (128.143 mảnh)

Hiện vật gạch:

Gạch để xây thành An Thổ có 3 loại cơ bản: Loại dài từ 20-25cm, rộng từ 10-11cm và dày từ 3-3,5cm màu vàng nhạt chiếm số lượng ít nhất. Loại gạch dài 20-24cm, rộng từ 18-20cm, dày từ 8-9cm, gạch pha rất nhiều tạp chất, kết cấu bờ. Loại dài từ 27-30cm, rộng từ 13-15cm, dày từ 4,5- 6cm độ nung cao, kết cấu cứng chắc.

**Bảng 2.** Thống kê gạch trong các hồ chính  
(không thống kê các viên gạch có trong móng kiến trúc)

| S<br>TT | Hố,<br>lớp                    | Kích thước (cm) |         |         | Màu sắc           | Chất liệu             | Đặc điểm                                              |
|---------|-------------------------------|-----------------|---------|---------|-------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------|
|         |                               | Dài             | Rộng    | Dày     |                   |                       |                                                       |
| 1       | H <sub>1</sub>                | 27              | 14,5    | 5       | Đỏ tím            | Sét, cát, sạn sỏi nhỏ | Kết cấu cứng chắc, độ nung cao                        |
| 2       | H <sub>3</sub> L <sub>4</sub> | 28,7            | 15      | 6       | Vàng nhạt         | Sét cát               | Độ nung trung bình                                    |
| 3       | H <sub>3</sub>                | 21,5            | 11      | 3,5     | Vàng cam          | Sét, cát, sạn sỏi nhỏ | Một mặt còn để lại dấu cắt sâu                        |
| 4       | H <sub>3</sub>                | 21              | 10,5    | 3,2-3,5 | Đỏ nâu            | Sét cát               | Dấu cắt sâu ở một mặt, độ nung cao                    |
| 5       | H <sub>3</sub>                | 22              | 8v-9v   | 3,2     | Nâu đỏ            | Sét, cát, tạp chất    | Còn dính vôi ở một mặt                                |
| 6       | H <sub>3</sub>                | 23              | 11      | 3       | Xám               | Sét,cát, tạp chất     | Độ nung thấp                                          |
| 7       | H <sub>3</sub>                | 19,5            | 10,5    | 4,5     | Nâu đỏ            | Sét, cát, sạn sỏi nhỏ | Độ nung trung bình, dấu cắt một mặt                   |
| 8       | H <sub>3</sub>                | 21,5            | 15v-19  | 7,5     | Vàng nhạt         | Sét, cát ,tạp chất    | Kết cấu bờ                                            |
| 9       | H <sub>6</sub> L <sub>1</sub> | 27              | 13,5    | 5       | Đỏ nâu            | Sét cát               | Bề mặt còn dính vôi hợp chất                          |
| 10      | H <sub>6</sub> L <sub>1</sub> | 29              | 6v-8v   | 5,5     | Đỏ nâu            | Sét cát               | Độ nung cao, bán sành                                 |
| 11      | H <sub>6</sub> L <sub>3</sub> | 11,5v-15        | 13,5    | 5,8     | Sành nâu          | Sét, cát, sạn sỏi nhỏ | Độ nung cao hóa sành, còn dính vôi một mặt            |
| 12      | H <sub>6</sub> L <sub>4</sub> | 13v-16v         | 13,5    | 4,5     | Xám, loang lỗ đen | Sét cát, sạn sỏi nhỏ  | Dấu cắt sâu ở một mặt, độ nung cao. Kết cấu cứng chắc |
| 13      | H <sub>6</sub> L <sub>4</sub> | 14v             | 14      | 5       | Đỏ nâu            | Sét, nhiều cát        | Độ nung cao, kết cấu cứng chắc                        |
| 14      | H <sub>6</sub> L <sub>4</sub> | 11,5v-14v       | 14      | 5,8     | Đỏ nâu            | Sét cát               | Độ nung cao, kết cấu cứng chắc                        |
| 15      | H <sub>6</sub>                | 18v-20,5v       | 13,5    | 5,5     | Đỏ tím            | Sét cát, tạp chất     | Độ nung cao                                           |
| 16      | H <sub>6</sub>                | 24              | 10v-12v | 9       | Đỏ nâu            | Sét cát, tạp          | Kết cấu bờ, có vết rạn                                |

|    |                  |      |         |     |        |                             |                                            |
|----|------------------|------|---------|-----|--------|-----------------------------|--------------------------------------------|
|    |                  |      |         |     |        | chất                        | nứt                                        |
| 17 | H <sub>6</sub>   | 21   | 18      | 9   | Đỏ nâu | Sét cát, tạp chất           | Kết cấu bờ                                 |
| 18 | H <sub>7L1</sub> | 27,5 | 7v-13,5 | 5,5 | Đỏ tím | Sét, nhiều cát, sạn sỏi nhỏ | Độ nung cao, bề mặt dính nhiều sạn sỏi nhỏ |

Hiện vật ngói:

Ngói cũng là một loại vật liệu khá phổ biến dùng để xây dựng trong các công trình kiến trúc. Trong di tích này chúng tôi tìm được một số lượng lớn các loại ngói. Những viên ngói ở đây có đặc điểm: màu sắc phổ biến là màu đỏ nâu, chất liệu

thô, độ nung cao và chúng đa phần không có hoa văn trang trí

Cơ bản có 5 loại: Ngói âm dương, ngói vảy, ngói phẳng hình chữ nhật, ngói ống và ngói trang trí.

**Bảng 3.** Thống kê số lượng hiện vật ngói

(đơn vị: mảnh)

| Kiểu<br>Hố       | Ngói âm dương |       | Ngói vảy cá |     |     |     |       | Khác | Tổng cộng |
|------------------|---------------|-------|-------------|-----|-----|-----|-------|------|-----------|
|                  | 1a            | 1b    | 2a1         | 2a2 | 2a3 | 2b  | 2c    |      |           |
| H <sub>1</sub>   | 21            | 203   | 122         | 28  | 4   | 14  | 738   | -    | 1130      |
| H <sub>3</sub>   | 1884          | 20202 | 16526       | 949 | 527 | 688 | 21978 | 468  | 63222     |
| H <sub>4</sub>   | 26            | 378   | 34          | -   | 1   | -   | 254   | 1    | 694       |
| H <sub>5</sub>   | 6             | 100   | 8           | -   | -   | -   | 116   | 3    | 233       |
| H <sub>6</sub>   | 1363          | 6403  | 2523        | -   | 1   | 2   | 7025  | 30   | 17347     |
| H <sub>7</sub>   | 2334          | 5382  | 4590        | -   | -   | -   | 5222  | 83   | 17611     |
| TS <sub>01</sub> | 19            | 149   | 180         | -   | -   | -   | 783   | 15   | 1146      |
| TS <sub>02</sub> | 2             | 10    | 3           | -   | -   | -   | 16    | 1    | 32        |
| TS <sub>03</sub> | 1             | 7     | 9           | -   | -   | -   | 31    | 5    | 53        |
| TS <sub>04</sub> | 3             | 10    | 6           | -   | -   | 1   | 120   | 2    | 142       |
| TS <sub>05</sub> | 54            | 276   | 72          | -   | -   | -   | 255   | -    | 657       |
| TS <sub>06</sub> | 257           | 718   | 237         | -   | -   | -   | 1182  | 7    | 2401      |
| TS <sub>07</sub> | 20            | 91    | 39          | -   | -   | -   | 152   | 4    | 306       |
| TS <sub>08</sub> | 5             | 16    | 11          | -   | -   | 1   | 28    | 5    | 71        |
| TS <sub>10</sub> | -             | 71    | 28          | -   | -   | -   | 272   | 1    | 372       |
| TS <sub>11</sub> | 4             | 298   | 174         | -   | -   | -   | 610   | -    | 1086      |
| TS <sub>12</sub> | -             | 218   | 68          | -   | -   | -   | 488   | 6    | 780       |
| TS <sub>13</sub> | 120           | 790   | 202         | -   | -   | -   | 1571  | -    | 2683      |
| TS <sub>15</sub> | 9             | 29    | 3           | -   | -   | -   | 15    | 2    | 58        |
| TS <sub>17</sub> | 104           | 2781  | 392         | -   | -   | -   | 740   | 52   | 4069      |
| TS <sub>18</sub> | 23            | 220   | 50          | -   | -   | -   | 546   | 39   | 878       |
| TS <sub>19</sub> | 10            | 1200  | 198         | -   | -   | -   | 1529  | 37   | 2974      |
| TS <sub>20</sub> | 4             | 57    | 18          | -   | -   | -   | 60    | 1    | 140       |
| TS <sub>21</sub> | 3             | -     | 7           | -   | -   | -   | 13    | 1    | 24        |

|                  |            |             |             |           |           |          |              |            |              |
|------------------|------------|-------------|-------------|-----------|-----------|----------|--------------|------------|--------------|
| TS <sub>22</sub> | 145        | 584         | 901         | 20        | 58        | -        | 1910         | 90         | 3708         |
| TS <sub>23</sub> | 6          | 7           | 9           | -         | -         | -        | 4            | 1          | 27           |
| TS <sub>24</sub> | 4          | 35          | 5           | -         | -         | -        | 52           | 2          | 98           |
| TS <sub>25</sub> | 9          | 53          | -           | -         | -         | -        | 272          | 4          | 338          |
| TS <sub>26</sub> | 9          | 59          | 15          | -         | -         | -        | 111          | 15         | 209          |
| TS <sub>27</sub> | 32         | 1070        | 218         | -         | -         | -        | 970          | 22         | 2312         |
| TS <sub>29</sub> | -          | 17          | -           | -         | -         | -        | 9            | 4          | 30           |
| TS <sub>30</sub> | 5          | 25          | -           | -         | -         | -        | 12           | -          | 42           |
| TS <sub>31</sub> | 15         | 24          | -           | -         | -         | -        | 22           | 8          | 69           |
| TS <sub>32</sub> | -          | 14          | -           | -         | -         | -        | 5            | 1          | 20           |
| TS <sub>34</sub> | 41         | 93          | 148         | -         | -         | -        | 230          | 14         | 526          |
| TS <sub>35</sub> | -          | 15          | 39          | -         | -         | -        | 365          | 16         | 435          |
| TS <sub>36</sub> | 4          | 7           | 1           | -         | -         | -        | 21           | 6          | 39           |
| TS <sub>37</sub> | 35         | 325         | 78          | -         | -         | -        | 1460         | 34         | 1932         |
| TS <sub>38</sub> | -          | -           | 105         | -         | -         | -        | 69           | 12         | 186          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>943</b> | <b>9269</b> | <b>3216</b> | <b>25</b> | <b>58</b> | <b>2</b> | <b>13923</b> | <b>407</b> | <b>27843</b> |

Kiểu 1a: Ngói âm dương mỏng ( $\leq 1\text{cm}$ )

Kiểu 2a1: Ngói phẳng mỏng ( $\leq 1\text{cm}$ )

Kiểu 2a3: Ngói có lỗ

Kiểu 2c: Ngói phẳng dày ( $> 1\text{cm}$ )

+ Ngói âm dương: (69 viên nguyên, 48.514 mảnh), dài phổ biến từ 20-24cm, rộng từ 15-22cm, dày từ 0,8- 1,5cm.

+ Ngói vảy cá: (có 22 viên nguyên). Có 3 loại: ngói vảy cá có lỗ, vát 2 bên ở một đầu; ngói vảy cá có lỗ không vát; ngói vảy cá không có lỗ, có gờ. Hai loại đầu tìm thấy nhiều hơn, loại thứ 3 rất ít.

+ Ngói ống: dài 26cm, đường kính thân 13,5, đường kính đầu nối tiếp 6-9cm, dày 1cm

+ Ngói trang trí: ngói hình tròn, đường kính 10cm, trang trí vòng ngoài là những đồ án hoa văn hình học với các đường hồi văn, vòng trong là hình con dơi hoặc là chữ thọ.

*Di vật gốm:*

*Gốm Trung Quốc* có nhiều loại hình (tô, bát, đĩa, chén...) men trắng vẽ lam, thế kỉ XVIII-XIX, trang trí các đường chỉ tròn, hoa lá, muông thú, xương gốm chắc mịn, men gốm trong.

*Gốm Việt Nam:* Gốm Bát Tràng có bát, đĩa, bình hoa... là gốm men trắng vẽ lam nhưng xương

Kiểu 1b: Ngói âm dương dày ( $> 1\text{cm}$ )

Kiểu 2a2: Ngói vát mỏng

Kiểu 2b: Ngói có gờ

gốm thô xốp. Có loại vẽ lam, đường chỉ tròn, hoa lá chim muông cách điệu. Niên đại chủ yếu TK XVIII -đầu TK XIX.

Gốm Biên Hòa: là loại gốm thô, xốp nhẹ lửa được sản xuất chủ yếu ở khu vực Biên Hòa, gốm này có mặt ở đây không nhiều, chủ yếu là loại dùng trong sinh hoạt, thờ cúng như chậu, bình hoa, trong đó có một bình hoa nhỏ còn tương đối lành lặn, hầu hết là mảnh nhỏ.

Gốm Quảng Đức (Tuy Hòa - Phú Yên): là trung tâm gốm nổi tiếng của người Việt, cách khu di tích thành An Thổ khoảng 2km theo đường chim bay. Rất nhiều loại gốm cho xây dựng, kiến trúc, trang trí, sinh hoạt, thờ cúng... được sử dụng trong thành, chiếm vị thế chủ đạo so với các loại hình khác tại thành An Thổ.

*Di vật kim loại*

- *Tiền kim loại:* Gồm 24 đồng tiền, trong đó có 21 đồng còn nguyên. Có 10 đồng có chữ trong đó có 6 đồng ghi chữ “Minh Mạng Thông Bảo”, 3

đồng ghi chữ “Tự Đức Thông Bảo”, 1 đồng tiền Đông Dương 5cent; Hầu hết đều là loại tiền tròn lỗ vuông, đường kính phổ biến từ 2,1-2,4cm.

- *Dao*: 05 dao và hiện vật hình dao, tất cả đều đã bị gãy vỡ.

- *Đạn*: 01 viên đạn súng thần công, đường kính 13cm, nặng 7kg.

- *Đinh đóng thuyền*: 20 cái, bị rỉ sét, dài trung bình từ 7-8,5cm.

### 1.5. Nhận xét

*Về di tích*: Sau quá trình khai quật, qua các dấu tích còn lại như hào nước, vòng thành ngoài đắp đất, bốn cổng thành (tiền, hậu, tả, hữu), vòng thành trong, cổng thành trong, kỳ đài, toà công đường, nhiều dấu tích của các khu nhà trong thành, giếng nước... cùng các chất liệu xây dựng bền vững như nhiều loại đá, gạch, ngói, đá ong đều lộ diện. Kết quả cho thấy đây là một thành lũy được xây dựng kiên cố, vừa nhằm mục đích dùng làm công sở của chính quyền tỉnh Phú Yên xưa, vừa làm chức năng như một pháo đài có nhiệm vụ phòng thủ, bảo vệ và tiến công khi cần thiết. Thành có kiến trúc theo kiểu Vauban. Đây là một thành lũy kiên cố, chắc chắn như nhiều thành cổ khác ở Việt Nam thời Nguyễn. Chính quyền phong kiến đã dùng một lượng của cải vật chất, sức người và thời gian rất lớn để hoàn thành công việc xây đắp thành.

#### *Về di vật*:

- Vật liệu cho kiến trúc, xây dựng thành gồm các loại đá màu đen, xám, trắng có nhiều ở những đồi núi quanh vùng, cách thành không xa (2,5-3km). Loại vật liệu này thường không qua gia công mà được sử dụng vào các công trình ở hình dạng tự nhiên, trừ các loại đá ong và đá vôi sử dụng tại vị trí các cổng thành được cắt gọt thành khối vuông hoặc chữ nhật.

- Gạch xây thành và các công trình bên trong thành có nhiều loại kích thước (cỡ lớn, trung bình và nhỏ), có màu đỏ tươi hoặc đỏ nâu, xương đất sét pha nhiều cát và vỏ nhuyễn thể. Ngói lợp có 07 loại hình kiểu dáng, kích thước khác nhau gồm ngói âm dương, ngói ống, ngói vảy cá, ngói phẳng hình chữ

nhật, ngói có lỗ luồn dây, ngói có mấu... Một số loại ngói diềm có trang trí hoa văn hình bông hoa, chữ thọ, con dơi... Ngói có độ nung cao, cùng được sản xuất với loại gạch kể trên. Phần lớn được sản xuất từ những lò gạch, gồm ở Quảng Đức (xã An Thạch, huyện Tuy An) - làng nghề nổi tiếng từ lâu đời của cư dân người Việt.

- Chất kết dính trong xây dựng thành được chế tác từ cát (khai thác tại chỗ), vôi (nung bằng củi), mật mía (ở địa phương và quanh vùng). Ngoài ra, còn có một số loại cây mọc tự nhiên ở quanh khu vực thành An Thổ như Bời lời, Bần chải, dây Tơ hồng... dùng làm tăng độ kết dính và độ bền cao.

- Đồ gốm thu thập được khá đa dạng: gồm Trung Quốc, Việt Nam (Quảng Đức, Bát Tràng, Sài Gòn - Biên Hoà...) có mặt ở đây khá nhiều. Gốm Trung Quốc có một ít thuộc thế kỷ XVIII, đa phần còn lại thuộc thế kỷ XIX và XX.

- Những hiện vật khác bằng kim loại như đạn súng thần công, dao, đinh sắt và những đồng tiền kim loại (Minh Mệnh Thông Bảo, Tự Đức Thông Bảo, tiền Đông Dương) thể hiện phần nào công việc phòng bị trong thành và cuộc sống của chủ nhân thành An Thổ xưa.

*Về niên đại*: Có thể xác định thành An Thổ được xây dựng trong khoảng thời gian từ 1836 - 1838, dưới triều vua Minh Mạng, dựa trên các cơ sở sau đây: Các di vật như vật liệu kiến trúc (các loại gạch, ngói) có kích thước, kiểu dáng, hoa văn tương đồng với các loại vật liệu thời kỳ này được sản xuất cho các công trình xây dựng của nhà nước tại các địa phương như Huế, Gia Định. Các vật liệu này được quy định kỹ trong tiêu chí sản xuất. Nhiều mảnh gốm sứ Trung Quốc thời nhà Thanh có mặt nhiều tại đây là các loại gốm men trắng hoa lam, nước men sáng, bóng cùng các đề tài trang trí, thủ thuật trang trí quen thuộc. Những đồng tiền kim loại ghi rõ triều đại (sớm nhất là “Minh Mệnh Thông Bảo”) đã thu thập được. Hơn nữa, qua một số tư liệu như: *Đại Nam Thực Lục (Quốc Sử quán triều Nguyễn)*

cho biết trước khi có thành An Thổ, tỉnh lỵ Phú Yên đặt ở đất ở làng Hội An<sup>1</sup>.

Sách *Phương Đình dư địa chí* (Nguyễn Siêu) ghi: "...Trấn lỵ Phú Yên nguyên đặt ở thôn Hội An, huyện Đồng Xuân. Năm thứ 13 niên hiệu Minh Mệnh (1832) di đến xã Xuân Đài – Long Uyên"<sup>(2)</sup>. (Được biết, trước đây thôn Long Uyên và An Thổ là một thôn có lịch sử khá lâu đời, thôn An Thổ được tách ra thành hai thôn từ thời Duy Tân)<sup>2</sup>.

*Đại Nam Thực Lục* ghi: "Minh Mệnh năm thứ 17 (1836) dời tỉnh thành Phú Yên ra chỗ khác - ở địa phận thôn Long Uyên, huyện Đồng Xuân, cách lỵ sở cũ hơn 560 trượng. Bốn mặt thành đều dài 60 trượng, thân thành cao 8 thước, 5 tấc, dày 1 trượng 5 tấc..."<sup>3</sup>.

Minh Mệnh chính yếu: "Minh Mệnh năm thứ 17 (1836), ... vua sai chọn đất khác đắp thành mới, quan tỉnh xin dời về đất Long Uyên ở huyện Đồng Xuân. Vua sai quan Tổng đốc là Võ Xuân Cẩn đi xem lại cũng tâu lên là địa thế của tỉnh ấy không đâu hơn đất Long Uyên mới chuẩn cho thi hành"<sup>4</sup>.

Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ: "Tỉnh thành Phú Yên ở huyện Đồng Xuân, phủ Tuy An, chu vi 340 trượng, cao 8 thước, 5 tấc, đắp bằng đất, 4 cửa, hào rộng 3 trượng, đắp năm Minh Mệnh thứ 18 (1837)"<sup>5</sup>.

*Đại Nam Nhất Thống chí*: "Thành đạo Phú Yên chu vi 333 trượng, cao 8 trượng linh, mở 4 cửa, ngoài thành có hào, ở thôn Long Uyên, huyện Đồng Xuân, đắp từ năm Minh Mệnh thứ 19 (1839)"<sup>6</sup>.

Theo *Đại Nam thực lục năm 1837*, vua Minh Mệnh duyệt bản tấu trình của quan tỉnh Phú Yên xin cho xây đắp thêm các công trình phụ cận ở khu

vực tỉnh thành mới để chống lũ lụt vào mùa mưa. Lờ tâu xin vua cho phép đắp đê phía hữu ngăn dòng nước từ sông tràn vào; xin đắp thêm đường cái ở phía sau thành; xin cho 1000 dân gần thành làm việc này<sup>7</sup>... Qua tài liệu dân tộc học, tư liệu điền dã, chúng tôi kết luận niên đại xây thành An Thổ như trên.

## 2. Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di tích thành cổ An Thổ

Từ những tài liệu lịch sử hiện biết và kết quả khảo sát, khai quật khảo cổ học, có thể nhận định về vai trò của thành An Thổ trong tiến trình lịch sử của vùng đất Phú Yên trên các phương diện sau:

*Thành An Thổ với vai trò về chính trị, quân sự:*

Thành An Thổ là trung tâm quyền lực của chính quyền phong kiến tỉnh Phú Yên, nơi tổ chức và điều hành những hoạt động chính trị ở địa phương. Thành được xây dựng vào thời kỳ thịnh trị nhất của triều Nguyễn, sau cuộc cải cách hành chính lớn của vua Minh Mạng những năm 1831, 1832 để tăng cường củng cố chặt chẽ hệ thống quyền lực ở địa phương. Cuộc cải cách này đã chia lập cả nước thành 30 tỉnh, đặt chế độ Tổng đốc kiêm quản hai tỉnh: Phú Yên đặt dưới quyền quản lý của Tổng đốc Bình Phú (Bình Định và Phú Yên). Dưới Tổng đốc có các chức quan: Bố chính, Án sát, Lãnh binh, Đốc học...

Thành An Thổ còn là bản doanh của lực lượng quân đội thường trực ở tỉnh. Thời Nguyễn, quân đội ở Phú Yên có các binh chủng: bộ binh, thủy binh, pháo binh, tượng binh, kỵ binh. Hiện nay, ở khu vực thành An Thổ vẫn còn những địa danh với tên gọi Gò Tượng, Xóm Ngựa. Gò Tượng (nơi nuôi voi) nằm sát bên bờ Bắc sông Cái (phía nam thành An Thổ), là một khu đất cao, xung quanh có đắp những bờ đất mà hiện trạng còn lại cao hơn tầm người đứng. Xóm Ngựa ở phía bắc thành An Thổ, ngày trước nuôi rất nhiều ngựa để phục vụ cho quan binh sử dụng và phục vụ vận chuyển hàng hoá.

<sup>1</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục*, quyển 1, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, tr.43-44.

<sup>2</sup> Nguyễn Siêu, *Phương Đình dư địa chí*, tự do, Sài Gòn, 1960, tr.135

<sup>3</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục*, tập XVIII, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967, tr.233.

<sup>4</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, tập III, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1994, tr.257-258.

<sup>5</sup> Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, tập XIII, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1993, tr. 141; 206.

<sup>6</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Nhất Thống chí*, tập III, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1997, tr.66.

<sup>7</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục*, tập XIX, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968, tr.175.

Sử sách ghi chép, năm 1836 vua Minh Mạng đã chuẩn y: “cho tỉnh thành Phú Yên chia đặt súng các hạng 22 cỗ: súng gang Hồng y 3 cỗ, súng đồng Phách sơn 7 cỗ, súng đồng Quá sơn 12 cỗ”<sup>8</sup>. Sách Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ cũng chép về lượng thuốc súng được triều đình cho phép lưu trữ ở Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận... năm 1833 là: “4.000 cân diêm tiêu và 800 cân lưu hoàng”<sup>9</sup>.

*Thành An Thổ với vai trò về kinh tế, xã hội:*

Sự ra đời và hoạt động của thành An Thổ đã kéo theo sự hình thành và phát triển nhiều làng nghề sản xuất thủ công, vừa tạo điều kiện cho những làng nghề thủ công đã có từ trước đó phát triển mạnh mẽ. Ở vùng phụ cận thành An Thổ từng tồn tại các làng nghề nổi tiếng như: làng gốm Quảng Đức, làng dệt lụa Ngân Sơn, làng cốm Phong Hậu, làng muối Diêm Điền,... Hiện nay, có một số nghề còn duy trì hoạt động với một bộ phận nhỏ những hộ dân tham gia sản xuất, có những nghề đã không còn hoạt động. Nhưng trước kia, những làng nghề nói trên đều rất phồn thịnh, sản phẩm có địa bàn tiêu thụ vượt ra khỏi phạm vi địa phương, có thị trường rộng khắp trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Đặc biệt là làng gốm Quảng Đức, nơi sản xuất ra những mặt hàng rất thông dụng, được sử dụng rất nhiều trong thành An Thổ, từ vật liệu kiến trúc cho đến đồ dùng sinh hoạt mà qua khai quật đã chứng minh.

Cùng với sự ra đời của trung tâm hành chính là sự tập trung dân cư với mật độ cao và sự hình thành những trung tâm kinh tế gắn với các hoạt động giao lưu mua bán. Ở khu vực thành An Thổ còn lại những di tích mà tên gọi của nó cho biết về sự tụ cư đông đúc của một thời đã qua. Ngôi niệm Phật đường ở thôn Bình Chính (gọi là chùa Phường Tả), đình Long Uyên... cho thấy thành An Thổ từng tồn tại một đơn vị cư trú rất tập trung. Ở phía nam thành An Thổ cũng tồn tại những tụ điểm thương mại rất sôi nổi, với những tên chợ nổi tiếng trong

vùng. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết ở đạo Phú Yên có các chợ: “Chợ Tuần: ở thôn Tiên Châu huyện Đồng Xuân. Lại có các chợ Hội An, Phước Đức, Sơn Triều, Quán Liễu, Vũng Lắm, Xuân Đài, Liên Trì, Mản Mản. Chợ Phước Hậu: ở xã Đông Phước, huyện Tuy Hòa. Lại có các chợ Đà Diễn, Hoàng Lâm, Thạch Bàn, Phú Thứ”<sup>10</sup>.

Thế kỷ XIX, người Hoa cũng đã có mặt tại địa bàn tỉnh thành An Thổ, họ là một bộ phận quan trọng trong giới thương nhân, đã có vai trò tích cực trong việc thúc đẩy hoạt động thương mại phát triển. Những di tích về người Hoa còn lại cho đến nay có thể kể đến như: chùa Phật Thánh ở thôn Tiên Châu (cách An Thổ khoảng 4km), là nơi có sự thờ tự lưỡng hợp giữa Phật giáo và Quan Thánh (Quan Công); khu mộ người Hoa tại thôn Bình Hoà (cách thành An Thổ khoảng 1,5km về phía tây nam), với gần 100 ngôi mộ nằm trên một khoảng đất rộng, xung quanh có tường bao, bên trong có dựng bia chung...

Hơn nữa, Thành An Thổ còn là nơi sinh của đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và Mỹ xâm lược, nơi đây cũng từng diễn ra những trận chiến oanh liệt của quân và dân ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Với giá trị nhiều mặt của di tích, căn cứ vào sơ đồ trình, ngày 22/8/2005, Bộ Văn hoá - Thông tin đã ra quyết định số 37/2005/QĐ-BVHTT công nhận thành An Thổ là di tích khảo cổ Quốc gia, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích này.

*Việc bảo tồn di tích thành An Thổ:*

Hiện tại, sau khai quật khảo cổ học, chúng ta đã xác định quy mô, cấu trúc của thành An Thổ, đặc biệt là khu trung tâm. Về di tích cũng như di vật được đánh giá, phân loại một cách khoa học. Đã bổ sung số lượng hiện vật đáng kể cho Bảo tàng Phú Yên, góp phần tìm hiểu lịch sử, văn hoá của tỉnh...

<sup>8</sup> Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 15, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1992, trang 290.

<sup>9</sup> Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 15, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1992, trang 308.

<sup>10</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập III, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2006, trang 90.

Tuy nhiên, tương tự như một số di tích khác ở nhiều địa phương trong cả nước, sau khai quật, di tích thành An Thổ gặp một số khó khăn để trùng tu, bảo tồn di tích để nhằm phát huy giá trị của nó, đặc biệt về tài chính. Chúng tôi nghĩ rằng, thành An Thổ là một thành cổ có giá trị nhiều mặt thuộc lĩnh vực lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự... cần thiết phải có những dự án đầu tư của Nhà nước, của địa phương và các doanh nghiệp, và của người dân để trùng tu lại thành cổ theo nguyên gốc. Xin đề nghị chính quyền các cấp một vài việc sau:

- Trước mắt, cần có hệ thống mái che lớn, chắc chắn cho di tích đã khai quật để có thể vừa bảo quản di tích, vừa có đường cho khách tham quan.

- Xây nhà bảo tàng (dạng bảo tàng trong di tích) để trưng bày toàn bộ hay một phần những di vật, hình ảnh, bản vẽ về di tích phục vụ tham quan nghiên cứu.

- Xây khu lưu niệm đồng chí Trần Phú tại một khu vực (có thể khu vực thành ngoài) vì những người dân nơi đây vẫn còn truyền tụng, lưu truyền những kỷ niệm về gia đình Trần Phú, nhằm phục vụ cho việc nghỉ ngơi của nhân dân trong vùng và là nơi giáo dục ruyền thống cho thế hệ trẻ.

- Có điều kiện, phục hồi lại các đoạn hào bị lấp. Làm những cây cầu “cát” hay những cổng thành (trong và ngoài)... cho di tích sống động.

- Hạn chế việc xây dựng nhà cửa và những công trình kiến trúc khác làm ảnh hưởng đến việc bảo tồn di tích. Nghiên cứu việc sắp xếp nhà ở, công ăn việc làm cho những người dân trong khu vực để họ sống cùng di tích.

Trong quá trình khai quật và báo cáo chính thức, chúng tôi đã có những kiến nghị trên và rất mừng, khu di tích khảo cổ học thành An Thổ đã được đầu tư, tôn tạo nhằm bảo vệ di tích và làm nơi lưu niệm Tổng bí thư Trần Phú. Tại đây đã có nhà, mái che, che được phần chính, trung tâm của thành cổ và trưng bày một số hiện vật của di tích. Tuy nhiên, do điều kiện chủ quan và khách quan, một số hạng mục của thành cũ không được tôn tạo, bị lấp đi... làm khách tham quan khó hình dung được quy mô của

di tích nếu không có hướng dẫn viên. Nên bổ sung thêm nhiều hiện vật khảo cổ cho di tích hấp dẫn hơn; có thể phục dựng lại tòa nhà chính (tòa công đường) thì rất hấp dẫn.

### 3. Xây dựng tour du lịch

Phú Yên là nơi được thiên nhiên phú cho nhiều cảnh quan đẹp, tạo nên những danh lam thắng cảnh với địa thế độc đáo. Tận dụng những tiềm năng ấy, chúng tôi đề nghị có những dự án về kinh tế, xã hội để kết nối những di tích gần nhau hình thành tour mới gồm:

Gềnh Đá Đĩa (xã An Ninh Đông, huyện Tuy An) thuộc loại độc đáo đẹp và hấp dẫn nhất ở miền Trung. Đây thực sự là một thắng cảnh hiếm thấy của thiên nhiên. Giữa nắng gió, sóng vỗ liên tục... tạo cảnh đẹp huyền ảo như chốn thần tiên từ lâu đã thu hút khá nhiều du khách mọi nơi đến chiêm ngưỡng.

Chùa Từ Quang (thường gọi là chùa Đá Trắng), một di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia của Phú Yên. Chùa tọa trên sườn núi Đá Trắng thuộc xã An Dân, huyện Tuy An (Phú Yên). Chùa Từ Quang được xây dựng vào năm 1797 dưới triều Vua Quang Toản. Mặt trước chùa hướng về phía nam, nhìn ra con sông Cái (sông Ngân Sơn). Từ nơi đây, phóng tầm nhìn bao quát cả một vùng sông, núi xanh biếc rộng lớn. Phía tây chùa có nhiều tháp cổ tháp thờ các vị hòa thượng trụ trì. Xung quanh chùa là vườn xoài rất nổi tiếng, đã đi vào thơ ca Phú Yên như là một sản phẩm rất đặc biệt “Xoài Đá Trắng, Sản Phường Lụa”, là sản phẩm cung tiến vua.

Làng gốm Quảng Đức nằm cạnh con sông Cái, thuộc địa bàn xã An Thạch, huyện Tuy An, Phú Yên. Việc sản xuất gốm hiện nay rất ít, có lúc ngưng trệ bởi không có thị trường tiêu thụ, nghệ nhân bỏ nghề... Tuy nhiên làng nghề gốm cổ này đã cung cấp rất nhiều sản phẩm cho nhu cầu đời sống xã hội của cả một vùng rộng lớn miền Trung. Những sản phẩm nơi đây đã nổi tiếng một thời bởi mẫu mã đẹp, nguyên liệu đặc biệt chỉ có tại nơi sản xuất khác với nhiều vùng trong cả nước... Đặc biệt, thành An Thổ đã sử dụng rất nhiều đồ gốm cũng

như các loại gạch ngói được sản xuất tại đây để xây thành, hiện còn thu thập khá nhiều qua khảo học. Có thể bằng những hình thức nào đó, hy vọng sẽ tái phục dựng nghề, biến nơi đây thành điểm tham quan du lịch, khám phá cách làm gốm hấp dẫn du khách.

Thành phố Tuy Hòa với nhiều thắng cảnh như Tháp Nhạn, Đài liệt sỹ, bãi biển dài, đẹp, những cây cầu và dòng sông thơ mộng... Trên cơ sở nội tại

của tỉnh như vậy, đề nghị nên kết nối tour vùng gần, gần kết hữu hiệu để xây dựng tuyến: Nha Trang - Tuy Hòa - Bình Định.

Thiết nghĩ, với những danh thắng xung quanh thành cổ An Thồ như vậy, chúng ta hoàn toàn có thể đầu tư khai thác tiềm năng sẵn có, kết nối các điểm, cảnh quan với nhau xây dựng tour hấp dẫn và các dịch vụ đi kèm nhằm đem lại lợi ích kinh tế, xã hội cho địa phương.

## An Tho castle – Phu Yen province through archaeological excavations promoting the values of monuments, and developing potential local and regional tourism

• Phi Ngoc Tuyen

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

### ABSTRACT:

*An Tho Castle (An Dan Ward, Tuy An District, Phu Yen Province) was built in the reign of Minh Menh. It was the capital of Phu Yen Province for a long time. In August 1945 Revolution, in the two wars against France and the United States, the castle became a fierce duel between the resistance forces and ethnic enemies. This is also the birthplace of Tran Phu – the General Secretary of the Communist Party of Vietnam. In 2008, the ancient castle conducted some archaeological excavations by the Culture, Sports and Tourism Department of Phu Yen Province and the University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM to determine the scientific value of the relics. Through excavation, the entire old ground as well as some buildings (i.e. the area of road building, front yard, old wells, gates of various*

*locations such as front, back, left, right, etc.) already existed. Many types of relics of numerous different materials such as stone, bronze, iron, terracotta, ceramic, porcelain, coins under the reign of Kings Minh Mang, Thieu Tri, Tu Duc and some stone bullets, cast iron were used for the defense of the city.*

*Nowadays, with the advantages of geographical location, terrain, scenery, special sizes of architecture and relics of the past An Tho Castle, through archaeological excavations and historical culture, the surrounding landscape, we absolutely can confidently invest in the development of exciting new tours to contribute to the economic development of the province and the region.*

*In this paper, the author mentions some of the following:*

1. Introduction to preliminary excavations and findings.
2. Issue of conservation and promotion of the values of An Tho ancient ruin

3. Recommendation for the creation of tourism: Interior provinces: Tuy Hoa - Da Dia rapids - Quang Duc pottery village - An Tho castle - Da Trang pagoda. For the region: combination of tours with Nha Trang - Phu Yen - Binh Dinh.

**Keywords:** archaeological monuments, An Tho castle, Phu Yen, tourism

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Hữu An (2004) “Lý lịch di tích thành An Thổ - xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên”, Sở Văn hoá và Thông tin Phú Yên- Bảo tàng Phú Yên.
- [2]. Nguyễn Danh Hạnh (2008), “Thành An Thổ xưa và nay”, Thông tin Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Yên, số 2/2008.
- [3]. Nội các triều Nguyễn (Nxb Thuận Hoá 1993), Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ, tập XIII, Nxb. Thuận Hoá, Huế.
- [4]. Quốc Sử quán triều Nguyễn, Viện Sử học (dịch 1962), Đại Nam Thực Lục, quyển 1, Nxb. Sử học, Hà Nội.
- [5]. Quốc Sử quán triều Nguyễn (Nxb Khoa học xã hội dịch 1967), Đại Nam Thực Lục, tập XXXVII, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6]. Quốc Sử quán triều Nguyễn (Nxb Khoa học xã hội dịch 1967), Đại Nam Thực Lục, tập XVIII, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7]. Quốc Sử quán triều Nguyễn (Nxb Thuận Hoá 1994) Minh Mệnh chính yếu, tập III, Nxb. Thuận Hoá, Huế.
- [8]. Quốc Sử quán triều Nguyễn (Nxb Thuận Hoá 1997) Đại Nam Nhất Thống chí, tập III, Nxb. Thuận Hoá, Huế.
- [9]. Quốc Sử quán triều Nguyễn (Nxb Khoa học xã hội dịch 1968), Đại Nam Thực Lục, tập XIX, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10]. Nguyễn Siêu (1959) Phương Đình dư địa chí, Nxb Tự do, Sài Gòn.
- [11]. Đặng Văn Thắng, Phí Ngọc Tuyền, Lê Thị Hậu, Nguyễn Hữu An (2009), Báo cáo khai quật khảo cổ học thành An Thổ, xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, Lư tại Bảo tàng tỉnh Phú Yên.
- [12]. Nguyễn Đình Tư (2002) Non nước Phú Yên, Nxb Thanh Niên, (in lần 2).

## PHỤ LỤC



Hình 1. Thành An Thố qua goole earth



Hình 2. Hố khai quật H1 – Xuất lộ chân cột cò



Hình 3. Nền móng tòa Công đường xưa



Hình 4. Mặt cắt thành ngoài (đắp đất)



Hình 5. Ngói lợp thành An Thố



Hình 6. Một số di vật thành An Thố